Phụ lục số 41

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ HÙNG VIỆT

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL.70B, QL 32C	Giáp địa giới hành chính xã Đồng Lương	Ngã tư đường giao nhau đường tỉnh lộ 313C	3.500	1.900	1.400	1.800	1.000	700	1.400	800	600
2		Ngã tư đường giao nhau đường tỉnh lộ 313C	Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	4.200	2.300	1.700	2.100	1.200	800	1.700	900	700
3	Đường Quốc lộ 32C	Giáp địa giới hành chính xã Đồng Lương	Giáp ngã ba đê quai xã Hùng Việt	6.700	3.700	2.700	2.700	1.500	1.100	2.000	1.100	800
4		Giáp ngã ba đê quai xã Hùng Việt	Trạm bơm Hiền Đa	8.700	4.800	3.500	3.500	1.900	1.400	2.600	1.400	1.000
5		Trạm bơm Hiền Đa	Đường vào đình Ba Nóc	6.500	3.600	2.600	2.600	1.400	1.000	2.000	1.100	800
6		Đường vào đình Ba Nóc	Bưu điện văn hóa xã Tình Cương cũ	4.100	2.300	1.600	1.600	900	700	1.200	700	500
7		Bưu điện văn hóa xã Tình Cương cũ	Đường rẽ vào nhà văn hóa khu Xóm Đàng	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
8		Đường rẽ vào nhà văn hóa khu Xóm Đàng	Cây xăng Phú Lạc	6.700	3.700	2.700	2.700	1.500	1.100	2.000	1.100	800
9		Cây xăng Phú Lạc	Tiếp giáp đường tỉnh 313E	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.700	1.200
10		Tiếp giáp đường tỉnh 313E	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	7.600	4.200	3.000	3.000	1.700	1.200	2.300	1.200	900
11	Đường tỉnh 313E	Nút giao QL 32C	Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	5.000	2.700	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
12	Đường Quốc lộ 32C cũ	Đường Quốc lộ 32C	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	310
13	Đường tỉnh 313B	Bưu điện văn hóa xã Phú Lạc	Trường THCS Phú Lạc	7.600	4.200	3.000	3.000	1.700	1.200	2.300	1.200	900
14		Trường THCS Phú Lạc	Cầu Phú Lạc	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
15		Cầu Phú Lạc	Đường rẽ vào nhà văn hóa Trung Tiến 1	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
16		Đường rẽ vào nhà văn hóa Trung Tiến 1	Ngã ba rẽ vào xã Tạ Xá cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
17		Ngã ba rẽ vào xã Tạ Xá cũ	Nhà văn hóa khu Đồng Răm	5.000	2.700	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
18		Nhà văn hóa khu Đồng Răm	Trường tiểu học Chương Xá	6.700	3.700	2.700	2.700	1.500	1.100	2.000	1.100	800

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
19	Đường tỉnh 313B	Trường tiểu học Chương Xá	Nút giao với đường liên vùng	4.100	2.300	1.600	1.600	900	700	1.200	700	500
20		Đường liên vùng	Giáp địa giới hành chính xã Yên Lập	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320
21	Đường tỉnh 313C	Giáp địa giới hành chính xã Đồng Lương	Hết địa phận khu Liên Tiếp	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
22		Địa phận khu Liên Tiếp	Đường rẽ vào khu Đồng Gắm xã Đồng Lạc cũ	4.700	2.600	1.900	1.900	1.000	700	1.400	800	600
23		Đường rẽ vào khu Đồng Gắm xã Đồng Lạc cũ	Nút giao với đường tỉnh lộ 313B	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320
24		Nút giao với đường tỉnh lộ 313B	Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	310
25	Đường bên Tả Ngòi Me	Cầu Phú Lạc	Cầu Tình Cương	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
26	Đường bên Hữu Ngòi Me	Cống ông Kết qua đê	Qua cầu Tình Cương	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
27	Đường trục xã	Ngã ba Hiền Đa	Hết đất Công ty TNHH Khánh Duy	4.100	2.300	1.600	1.600	900	700	1.200	700	500
28		Giáp Công ty TNHH Khánh Duy	Hết khu nghĩa địa Gò Cốc	2.100	1.120	840	840	460	340	630	350	250
29		Giáp khu nghĩa địa Gò Cốc	Giao với đường tỉnh lộ 313C	3.400	1.900	1.400	1.400	700	500	1.000	600	400
30	Đất hai bên đường liên thôn, liên xóm	Nhà ông Phong Dậu - Thái Đà khu Tiền Phong	Hết đất nhà ông Chức khu Tiền Phong	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
31		Nhà ông Chức khu Tiền Phong	Hết đất nhà ông Hải Mai khu Tiền Phong	1.500	800	600	800	400	300	600	300	200
32		Nhà văn hóa khu Tiền Phong	Nhà ông Chiến (khu Quyết Thắng giáp xã Phú Lạc)	1.500	800	600	800	400	300	600	300	200
33		Nhà bà Lanh (khu Quyết Thắng)	Hết đất hộ ông Chung (khu Đồng Răm)	1.500	800	600	800	400	300	600	300	200
34		Nhà bà Chuyên (khu Trung Tiến 2)	Hết ngã 3 cổng ông Tước (khu Đông Tiến)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320
35		Ngã 3 cổng ông Tước	Nhà văn hóa khu Nam Tiến	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
36		Nhà ông Bông Vui khu Ô Đà	Nhà ông Nông Xuân khu Ô Đà	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
37		Nhà ông Hạ Quốc Gia khu Gò Làng giáp cầu An Cát	Nhà thờ cụ Đề Kiều	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
38		Đất hộ ông Chúc Huế (khu Phú Cát) tiếp giáp đường QL32C	Đường rẽ đi Chùa Trò	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
39	Đất hai bên đường liên thôn, liên xóm	Đất hộ ông Sơn Lan (khu Phú Xuân)	Đường ngang đi Điêu Lương, đất hộ ông Cường (khu Phú Xuân)	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
40		Giáp QL32C đi qua đất ông Trương Văn Tuất (khu Phú Xuân)	Hết xã Hùng Việt (giáp xã Điêu Lương cũ)	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
41		Đất hộ ông Chuyền (khu Phú Xuân)	Hết xã Hùng Việt (giáp xã Điêu Lương cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320
42		Cổng làng Thạch Đê tiếp giáp QL32C	Hết Nhà văn hóa khu Thạch Đê	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	320
43		Đất hộ ông Hòa (khu Xóm Đàng)	Hết đất hộ bà Chúc (khu Hanh Cù) giáp xã Văn Khúc	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
44		Nhà ông Phượng Thái (khu Đồng Phai)	Nhà ông Chung (khu Đồng Phai)	1.700	900	700	700	400	300	500	300	200
45		Nhà bà Hiệp (khu Đồng Phai)	Hết địa phận xã Văn Khúc (giáp xã Đồng Lạc cũ)	1.000	600	400	400	250	200	300	200	110
46		Cây xăng Phú Lạc	Bến phà Tình Cương	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
47	Đất hai bên đường nhựa, bê tông rộng từ 3 m trở lên	Địa bàn xã Phú Lạc, Hiền Đa, Cát Trù cũ		1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
48		Địa bàn xã Tình Cương, Chương Xá, Văn Khúc cũ		1.100	600	400	400	250	200	300	200	120
49	Đất hai bên đường nhựa, bê tông rộng dưới 3 m	Địa bàn xã Phú Lạc, Hiền Đa, Cát Trù cũ		1.000	600	400	400	250	200	300	200	110
50		Địa bàn xã Tình Cương, Chương Xá, Văn Khúc cũ		800	440	320	320	180	130	240	130	100
*	**Khu đấu giá, tái định cư**											
51	Tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp, gia cố đê Ngòi Cỏ, Ngòi Me			2.000			800			600		
52	Khu tái định cư đường liên vùng xã Chương Xá			820			300			200		
53	Khu đấu giá tại xứ đồng Cây Cọ, Đồi 16			2.400			1.920			1.540		
54	Khu đấu giá khu Phiên Quận, xã Hùng Việt	Băng 1		5.000			4.000			3.200		
55		Băng 2, 3		3.500			2.800			2.200		
56	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực ao ông Tuấn - khu Hiền Đa 1, xã Hùng Việt	Băng 1		6.500			5.200			4.200		
57		Băng 2, 3		2.500			1.000			800		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
58	Khu đấu giá khu Chế Nhuệ, xã Hùng Việt	Băng 1		2.000			800			600		
59	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại Đồng Mười - khu Hiền Đa 1, xã Hùng Việt	Băng 1		2.000			800			600		
60	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Bắc Tiến 2 (khu vực Đồng Cát), xã Hùng Việt	Băng 1		3.000			1.200			900		
61	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đồng 75 - Khu Hiền Đa 1, xã Hùng Việt	Băng 1		6.500			5.200			4.200		
62		Băng 2, 3		2.500			1.000			800		
63	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Thạch Đê xã Hùng Việt	Băng 1		6.500			5.200			4.200		
64		Băng 2, 3		5.000			4.000			3.200		
65	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Trung Tiến 1 (khu vực Gò Sồi), xã Hùng Việt	Băng 1		3.000			1.200			900		
66	Khu dân cư phía Bắc xã Phú Lạc, huyện Cẩm Khê			7.000			2.800			2.100		
67	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá tại xã Phú Lạc, Hiền Đa, Cát Trù cũ		600			240			180		
68		Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá tại xã Tình Cương, Chương Xá, Văn Khúc cũ		500			200			150		